TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST
Ngày: 06-4-2026
V/v Yêu cầu chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Võ Minh Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2. Bà Đỗ Thị Liêu .

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2023TLST-DS ngày 22/3/2023 về "*Yêu cầu chia di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2025/QĐST-DS ngày 04/12/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 45/2025/QĐ-DS ngày 25/12/2025; Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 23/2/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2026/QĐST-DS ngày 16/3/2026 giữa:

1. Nguyên đơn: ông Ông Hòa L, sinh năm 1964, địa chỉ: tổ B, thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: ông Nguyễn Đình C, sinh năm 1981, địa chỉ: 3 N, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. Bị đơn: bà Trình Thị B, sinh năm 1961, trú tại: số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Ông Thị Hoàng O, sinh năm 1981, trú tại: số B T, thôn B, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Ông Hoàng V1, sinh năm 1983, trú tại: số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Bà Ông Thị Hoàng Y, sinh năm 1989, trú tại: tổ A, thôn T, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Ông Hòa L:* Mẹ ông là bà Nguyễn Thị C1 *(sinh năm 1932, chết ngày 20/7/2012)* là vợ ông Ô Hoàng D *(sinh năm 1927, chết năm 1992),* khi còn sống có 06 người con nhưng đã mất 4 người lúc còn nhỏ, còn lại ông Ông Hòa L và ông Ông Hòa V; ông Ông Hòa V có vợ là Trình Thị B và có 3 người con chung là Ông Thị Hoàng O, Ông Hoàng V1, Ông Thị Hoàng Y. Năm 2003, ông Ông Hòa V chết. Ngày 20/7/2012, mẹ của ông L và ông V là bà Nguyễn Thị C1 chết (chết sau ông Ông Hòa V 09 năm). Khi còn sống, ông Ông Hòa V và bà Trình Thị B tạo dựng được khối tài sản gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị và ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 71,2m^2 tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Ông Ông Hòa V mất năm 2003, không để lại di chúc. Di sản thừa kế mà ông V để lại là ½ giá trị nhà và đất mà chị dâu ông L là bà Trình Thị B đang sử dụng tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ông Hòa L rút yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế là ½ ngôi nhà tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. Ý kiến của bị đơn bà Trình Thị B: Bà và ông Ô Hòa V là vợ chồng và có ba người con là Ông Thị Hoàng O, Ông Hoàng V1, Ông Thị Hoàng Y. Quá trình chung sống bà và ông V có mua đất và làm một ngôi nhà cấp 4 để ở tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng. Năm 2003, chồng bà là Ông Hòa V chết, năm 2010 bà nhờ người làm lại thủ tục về đất và được UBND huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 795253, số vào sổ cấp GCN: CH 000342 ngày 21/12/2010 đối với thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị. Năm 2023, do nhà mục nát nên bà xin giấy phép và làm nhà trên diện tích đất 71.2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Ngôi nhà và diện tích đất 71,2m^2 là tài sản của bà và ông Ông Hòa V, ông V có 03 người con nên tài sản này không thể chia theo yêu cầu của ông Ông Hòa L.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y: đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L. Vì nhà, đất là tài sản do cha mẹ các ông, bà tạo dựng nên; ông L không có quyền thừa kế và không có quyền yêu cầu chia tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng:

- *Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L đối với bà Trình Thị B về ½ ngôi nhà ông V, bà B tạo dựng tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng được xây dựng trước năm 2023.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L đối với bà Trình Thị B về việc *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"*. Buộc bà Trình Thị B thối trả cho ông Hòa L giá trị tài sản được chia thừa kế với số tiền 89.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6- Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng

Tại phiên tòa vắng mặt người được nguyên đơn ủy quyền là ông Nguyễn Đình C nhưng nguyên đơn ông Ông Hòa L đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C.

Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông V1, bà Y.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ông Hòa L rút yêu cầu chia thừa kế đối với di sản là ½ ngôi nhà ông V, bà B tạo dựng tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng được xây dựng trước năm 2023. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 217 đình chỉ đối với yêu cầu này của ông L.

[2] Về nội dung

Nguyên đơn ông Ông Hòa L khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế ½ giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 795253, số vào sổ cấp GCN: CH 000342 ngày 21/12/2010 cho bà Trình Thị B và ông Ông Hòa V (chết).

[2.1] Xác định nguồn gốc tài sản yêu cầu chia thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Trình Thị B là vợ của ông Ô Hòa V thừa nhận trong quá trình chung sống bà và ông V đã tích góp mua được diện tích đất tại địa chỉ số C T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam nay là 363 T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng và đã xây dựng một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất này. Năm 2003, ông Ông Hòa V chết không để lại di chúc; năm 2010 bà nhờ người làm lại thủ tục về đất và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng

Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 795253, số vào sổ cấp GCN: CH 000342 ngày 21/12/2010 đối với thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị. Do nhà cũ bị dột nát, năm 2023 bà B đã xin giấy phép xây dựng và phá dỡ toàn bộ ngôi nhà cũ xây lại ngôi nhà mới trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, ngày 14/6/2024 Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tiến hành thẩm định và định giá tài sản liên quan đến yêu cầu chia thừa kế của ông Ông Hòa L. Tuy nhiên, tại buổi làm việc bà Trình Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phối hợp nên không thực hiện việc thẩm định, định giá. Ngày 25/12/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án và tạm ngừng phiên tòa để tiến hành thẩm định, định giá tài sản tranh chấp nhưng bà Trình Thị B từ chối không cho thẩm định, định giá tài sản.

Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ xác định: năm 2023, bà B phá dỡ nhà cũ và xây nhà mới trên toàn bộ diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Giấy phép xây dựng số 38/GPXD-UBND ngày 02/3/2023 của Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp cho bà Trình Thị B thể hiện "Diện tích xây dựng tầng 1 *(tầng trệt)*: 71,2m^2". Như vậy, có căn cứ để xác định di sản thừa kế ông Ông Hòa V chết để lại là 1/2 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2 tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

[2.2] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế

Ông Ông Hòa V chết năm 2003, bà Nguyễn Thị C1 chết năm 2012. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của ông Ông Hòa L đối với di sản ông Ông Hòa V chết để lại đảm bảo, đúng thời hạn.

[2.3] Về hàng thừa kế

- Ông Ông Hòa V chết năm 2003 không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông V có 05 người, gồm: bà Nguyễn Thị C1 *(mẹ ông V)*, bà Trình Thị B *(vợ ông V)*, bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y *(là các con của ông V)*.

- Bà Nguyễn Thị C1 kết hôn với ông Ông Hòa D1 và có hai con chung là ông Ông Hòa V và ông Ông Hòa L. Ông D1 chết năm 1992; ngày 20/7/2012 bà Nguyễn Thị C1 chết, không để lại di chúc hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 có 02 người, gồm: ông Ông Hòa L, ông Ông Hòa V *(ông Ông Hòa V chết năm 2003 nên các con của ông V được hưởng thừa kế thế vị là bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y)*.

[2.4] Về xác định giá trị tài sản và chia thừa kế

Theo kết quả định giá ngày 23/5/2025 của Hội đồng định giá thì giá đất theo Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Q (cũ) là 14.300.000đ/1m^2; giá đất theo giá thị trường là 25.000.000đ/1m^2.

Tại phiên tòa, ông Ông Hòa L đề nghị Hội đồng xét xử áp giá theo giá thị trường theo biên bản định giá ngày 23/5/2025 để giải quyết vụ án; bà Trình Thị B không có ý kiến gì đối với kết quả định giá tài sản.

Để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự, Hội đồng xét xử áp giá đất theo giá thị trường để giải quyết vụ án. Như vậy, giá trị di sản chia thừa kế được xác định là 71,2m^2 x 25.000.000đ/1m^2 = 1.780.000.000đ *(một tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng);* giá trị tài sản ông Ông Hòa V chết để lại (1/2) là 1.780.000.000đ: 2 = 890.000.000đ *(tám trăm chín mươi triệu đồng).*

- Ông Ông Hòa V chết năm 2003, không để lại di chúc; hàng thừa kế thứ nhất của ông V có 05 người gồm: bà Nguyễn Thị C1 (mẹ ông V), bà Trình Thị B (vợ ông V), bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y (là các con của ông V). Như vậy, di sản thừa kế ông V chết để lại bà C1, bà B, bà O, ông V1, bà Y mỗi người được hưởng là 890.000.000đ: 5= 178.000.000đ *(một trăm bảy mươi tám triệu đồng).*

- Bà Nguyễn Thị C1 chết năm 2012, không để lại di chúc nên phần di sản bà C1 được hưởng của ông Ông Hòa V được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của bà C1 là: ông Ông Hòa L, ông Ông Hòa V *(ông Ông Hòa V chết nên các con của ông V được hưởng thừa kế thế vị là bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y).* Như vậy, phần di sản bà C1 chết để lại được chia làm 02 phần, cụ thể như sau: 178.000.000đ: 2 = 89.000.000đ *(tám mươi chín triệu đồng).* Ông Ông Hòa V chết năm 2003, bà Nguyễn Thị C1 chết năm 2012 nên phần di sản bà C1 để lại các con của ông V là bà O, ông V1, bà Y mỗi người được hưởng là 89.000.000đ: 3 = 29.666.000đ.

Sau khi chia thừa kế, giá trị phần di sản các bên được hưởng cụ thể như sau:

- Bà Trình Thị B: 890.000.000đ + 178.000.000đ = 1.068.000.000đ.
- Bà Ông Thị Hoàng O: 178.000.000đ + 29.666.000đ = 207.666.000đ.
- Ông Ông Hoàng V1: 178.000.000đ + 29.666.000đ = 207.666.000đ.
- Bà Ông Thị Hoàng Y: 178.000.000đ + 29.666.000đ = 207.666.000đ.
- Ông Ông Hòa L: 89.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ông Thị Hoàng O, ông Ông Hoàng V1, bà Ông Thị Hoàng Y không có ý kiến về việc nhận hay không nhận tài sản do ông Ông Hòa V chết để lại nên giao toàn bộ tài sản thừa kế cho bà Trình Thị B quản lý. Trường hợp bà O, ông V1, bà Y có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Hiện nay trên diện tích đất chia thừa kế, năm 2023 bà Trình Thị B đã xây dựng ngôi nhà cấp III và làm ăn, sinh sống tại ngôi nhà này nên giao cho bà Trình Thị B nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 795253, số vào sổ cấp GCN: CH 000342 ngày 21/12/2010 cho bà Trình Thị B và ông Ông Hòa V (chết). Đồng thời buộc bà Trình

Thị B thối trả giá trị di sản thừa kế ông Ông Hòa L được hưởng với số tiền 89.000.000đ *(tám mươi chín triệu đồng).*

- Ông Ông Hòa L được nhận số tiền thối trả về chia di sản thừa kế từ bà Trình Thị B với số tiền 89.000.000đ *(tám mươi chín triệu đồng).*

[3] Về chi phí thẩm định, định giá: 3.000.000đ *(ba triệu đồng)* ông Ông Hòa L tự nguyện chịu, ông L đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ông Hòa L, bà Trình Thị B là người cao tuổi nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Hoàn trả lại cho ông Ông Hòa L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L đối với bà Trình Thị B về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Ông Hòa V đối với ½ ngôi nhà được xây dựng trước năm 2023 tại số C T, thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông Hòa L đối với bà Trình Thị B về việc *"Yêu cầu chia di sản thừa kế"*.

- Bà Trình Thị B được nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 370, tờ bản đồ số 28, diện tích 71,2m^2, loại đất ở đô thị; được Ủy ban nhân dân huyện T (cũ) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 795253, số vào sổ cấp GCN: CH 000342 ngày 21 tháng 12 năm 2010 cho bà Trình Thị B và ông Ông Hòa V (chết).

Bà Trình Thị B có nghĩa vụ thối trả cho ông Ông Hòa L số tiền về chia di sản thừa kế là 89.000.000đ *(tám mươi chín triệu đồng).*

- Ông Ông Hòa L được nhận số tiền thối trả về chia di sản thừa kế từ bà Trình Thị B với số tiền 89.000.000đ *(tám mươi chín triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về chi phí thẩm định, định giá: 3.000.000đ *(ba triệu đồng)* ông Ông Hòa L tự nguyện chịu, ông L đã nộp đủ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí cho ông Ông Hòa L và bà Trình Thị B.

- Hoàn trả cho ông Ông Hòa L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ *(bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006281 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/4/2026); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6;
- THADS TP Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Võ Minh Diệp